

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 27 - 3 - 2018
(V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Nguyễn Văn Chiến

Ông (Bà) Trương Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thúy Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp HNGĐ xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2013 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị T T**; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp X P, Thị trấn T B, huyện T B, tỉnh An Giang (*Xin vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh M C**; Địa chỉ cư trú: Hẻm 498, N T, khóm 8, phường 7, Tp.M, tỉnh Cà Mau (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị T trình bày: Chị và anh C kết hôn ngày 13/6/2012 có ĐKKH tại UBND phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi xích mích, hai người đã tự ly thân cách nay hơn một năm, hiện tại hai người không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn anh C; Về con chung có một đứa tên Huỳnh H O sinh ngày 04/4/2013 hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không có. Tại bản khai và đơn yêu cầu ngày 09/3/2018 chị yêu cầu không hoà giải và xét xử vắng mặt chị.

Anh C trình bày: Anh và chị T kết hôn ngày 13/6/2012 có ĐKKH tại UBND phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai người thường xuyên cự cãi không dung hoà được, cách nay hơn một năm vợ anh bỏ nhà và đem con đi sống ở tỉnh khác, hai người không liên

hệ qua lại, nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh; Về con chung có một đứa, tên Huỳnh H O sinh ngày 04/4/2013 hiện đang sống với vợ anh, anh đồng ý giao con cho vợ anh tiếp tục nuôi và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về HNGĐ xin ly hôn, anh C hiện đang sinh sống tại khóm 8, phường 7, Tp.M nên theo quy định tại các điều 28,35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Quá trình chuẩn bị xét xử ngày 09/3/2018 chị T nộp bản khai và đơn yêu cầu không hoà giải và tiến hành xét xử vắng mặt chị, theo quy định tại điều 227,228 của BLTTDS Tòa án chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của chị.

[3] Hôn nhân của chị T anh C được xác lập trên tinh thần tự nguyện có ĐKKH theo quy định của Luật HNGĐ, hôn nhân này là hợp pháp là căn cứ giải quyết tranh chấp về HNGĐ khi hai người phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, tuy chị T xin vắng mặt nhưng chị vẫn giữ quan điểm xin ly hôn như đơn khởi kiện, thực tế hai người đã ly thân hơn một năm nay không ai quan tâm đến nhau, xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng theo quy định tại điều 55 Luật HNGĐ cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của anh chị là thỏa đáng.

[4] Về con chung: Cháu O sinh ngày 04/4/2013 đến nay cháu đã trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi, hiện cháu đang sống với chị T, tại phiên tòa cũng như theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T, cả hai người đều thống nhất tiếp tục giao con cho chị T trực tiếp nuôi mà không đặt ra việc cấp dưỡng, thỏa thuận của anh chị hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T anh C xác định không có.

[6] Về án phí HNGĐ chị T phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 55,58 Luật HNGĐ; điều 147 BLTTDS

1. Về hôn nhân: Tuyên xử công nhận cho chị Đặng Thị T T với anh Huỳnh M C được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh H O sinh ngày 04/4/2013 cho chị T trực tiếp nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Anh C được phép tới lui thăm và dạy con chị T không được cản trở, ngược lại anh C không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị T nuôi con .

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí HNGĐ 300.000đ chị T phải nộp, ngày 06/3/2018 chị đã dự nộp tại biên lai số 0438 được giữ y.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ninh Quang Thế